

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ  
QUỐC TẾ**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 23

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tài Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2014)
Ông Vũ Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Anh Minh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2014)
Ông Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Anh Minh  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

Số: 157 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 23. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Vũ Đức Nguyên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 25 tháng 8 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Trần Thị Kim Khánh**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0395-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>201.605.349.675</b>	<b>233.388.960.055</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>130.969.466.519</b>	<b>40.932.710.861</b>
1. Tiền	111		5.969.466.519	30.390.210.861
2. Các khoản tương đương tiền	112		125.000.000.000	10.542.500.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>40.000.000.000</b>	<b>155.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	40.000.000.000	155.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.056.123.806</b>	<b>29.511.811.956</b>
1. Phải thu khách hàng	131		10.931.790.853	26.789.820.371
2. Trả trước cho người bán	132		2.671.717.048	-
3. Các khoản phải thu khác	135		2.452.615.905	2.721.991.585
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>11.430.803.442</b>	<b>6.007.023.735</b>
1. Hàng tồn kho	141	6	11.430.803.442	6.007.023.735
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.148.955.908</b>	<b>1.937.413.503</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.432.526.791	1.774.845.503
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		371.704.517	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		344.724.600	162.568.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>209.466.400.104</b>	<b>221.870.111.948</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>121.204.672.391</b>	<b>130.118.927.689</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	116.172.261.589	130.118.927.689
- Nguyên giá	222		271.558.800.750	271.156.310.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.386.539.161)	(141.037.383.061)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	-	-
- Nguyên giá	228		262.420.550	262.420.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(262.420.550)	(262.420.550)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	5.032.410.802	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>54.549.487.173</b>	<b>54.549.487.173</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	54.549.487.173	54.549.487.173
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.712.240.540</b>	<b>37.201.697.086</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	32.842.240.540	36.331.697.086
2. Tài sản dài hạn khác	268		870.000.000	870.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>411.071.749.779</b>	<b>455.259.072.003</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>65.191.119.818</b>	<b>90.354.209.269</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.371.119.818</b>	<b>53.455.459.269</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	14.910.000.000	14.759.500.000
2. Phải trả người bán	312		11.106.337.253	28.629.249.806
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.134.949.780	3.113.748.535
4. Phải trả người lao động	315		5.385.764.711	3.686.893.248
5. Chi phí phải trả	316		346.188.799	1.601.471.546
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		87.847.127	1.543.262.108
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.400.032.148	121.334.026
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>29.820.000.000</b>	<b>36.898.750.000</b>
1. Vay dài hạn	334	13	29.820.000.000	36.898.750.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>345.880.629.961</b>	<b>364.904.862.734</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>345.880.629.961</b>	<b>364.904.862.734</b>
1. Vốn cổ phần	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.709.511.521	1.709.511.521
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.173.922.567	5.173.922.567
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.613.775.739	6.368.325.617
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		30.383.420.134	51.653.103.029
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>411.071.749.779</b>	<b>455.259.072.003</b>
<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>30/6/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ ("USD")			631,21	787.296,14

Đoàn Thị Thanh Xuân  
 Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh  
 Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		217.860.043.473	215.844.002.709
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	16	217.860.043.473	215.844.002.709
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	196.770.605.064	186.459.648.519
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		21.089.438.409	29.384.354.190
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	13.645.353.353	14.382.426.957
6. Chi phí tài chính	22	20	1.862.933.103	2.564.723.579
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.218.447.637	1.577.723.579
7. Chi phí bán hàng	24		196.891.017	259.026.586
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.599.839.269	8.825.041.418
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		23.075.128.373	32.117.989.564
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)	50		23.075.128.373	32.117.989.564
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	3.315.911.024	6.354.247.185
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		<b>19.759.217.349</b>	<b>25.763.742.379</b>



Đoàn Thị Thanh Xuân  
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>23.075.128.373</b>	<b>32.117.989.564</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	14.349.156.100	14.208.227.622
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	493.980.179	938.000.000
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.632.333.667)	(14.106.782.512)
- Chi phí lãi vay	06	1.218.447.637	1.577.723.579
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>25.504.378.622</b>	<b>34.735.158.253</b>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	12.674.215.542	2.727.604.822
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(10.409.097.318)	6.173.978.022
- Thay đổi các khoản phải trả	11	(18.906.682.023)	(6.127.684.232)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	2.784.682.067	(4.834.677.882)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.218.447.637)	(1.577.723.579)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.253.086.753)	(5.899.058.585)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	88.490.507
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(668.752.000)	(991.981.504)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>4.507.210.500</b>	<b>24.294.105.822</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(112.400.000)	(2.723.373.668)
2. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	115.000.000.000	70.000.000.000
3. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	14.023.945.158	9.028.627.982
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>128.911.545.158</b>	<b>76.305.254.314</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.382.000.000)	(7.285.250.000)
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(36.000.000.000)	(30.615.100.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(43.382.000.000)</b>	<b>(37.900.350.000)</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	<b>50</b>	<b>90.036.755.658</b>	<b>62.699.010.136</b>
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</i>	<b>60</b>	<b>40.932.710.861</b>	<b>118.449.244.292</b>
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</i>	<b>70</b>	<b>130.969.466.519</b>	<b>181.148.254.428</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia không bao gồm số tiền là 2.043.541.990 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 780.536.530 đồng), là khoản lãi tiền gửi phát sinh trong kỳ nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.


Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm 58.410.000 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 73.590.000 đồng), là số cổ tức được công bố trong kỳ mà chưa thanh toán cho các cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Đoàn Thị Thanh Xuân  
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 150 người (31 tháng 12 năm 2013: 153 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn gas tại Thành phố Hồ Chí Minh).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả kinh hoạt động doanh nghiệp riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014  
đến ngày 30/6/2014

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	5 - 12

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng lỗ đầu tư tài chính do hoạt động kinh doanh thua lỗ của các công ty con, công ty liên kết và công ty mà Công ty đầu tư dài hạn khác. Khoản dự phòng này được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, chi phí vật tư xuất dùng cho tàu và chi phí sửa chữa tàu, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng từ hai đến mười năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

2500-  
NHÀ  
NG T  
HIỆM H  
OIT  
T N  
TP. H.C

03  
C  
C  
VẬN  
KH  
T N

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	60.501.540	1.084.487
Tiền gửi ngân hàng	5.908.964.979	30.389.126.374
Các khoản tương đương tiền	125.000.000.000	10.542.500.000
	<u><u>130.969.466.519</u></u>	<u><u>40.932.710.861</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn là ba tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 4 với lãi suất hàng năm được hưởng là 6% (31 tháng 12 năm 2013: gửi bằng đồng Đô la Mỹ có kỳ hạn ba tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam, với lãi suất hàng năm được hưởng là 0,25%).

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 4 với lãi suất hàng năm dao động từ 6% - 7% (31 tháng 12 năm 2013: lãi suất hàng năm được hưởng là 7,1% - 7,2%).

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	11.397.486.890	5.953.467.516
Công cụ dụng cụ	33.316.552	53.556.219
	<u><u>11.430.803.442</u></u>	<u><u>6.007.023.735</u></u>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	5.346.235.449	301.081.612	265.508.993.689	271.156.310.750
Tăng trong kỳ	402.490.000	-	-	402.490.000
Tại ngày 30/6/2014	<u>5.748.725.449</u>	<u>301.081.612</u>	<u>265.508.993.689</u>	<u>271.558.800.750</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2014	(1.982.039.268)	(231.690.274)	(138.823.653.519)	(141.037.383.061)
Khấu hao trong kỳ	(646.979.080)	(118.331.304)	(13.583.845.716)	(14.349.156.100)
Tại ngày 30/6/2014	<u>(2.629.018.348)</u>	<u>(350.021.578)</u>	<u>(152.407.499.235)</u>	<u>(155.386.539.161)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2014	<u><u>3.119.707.101</u></u>	<u><u>(48.939.966)</u></u>	<u><u>113.101.494.454</u></u>	<u><u>116.172.261.589</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>3.364.196.181</u></u>	<u><u>69.391.338</u></u>	<u><u>126.685.340.170</u></u>	<u><u>130.118.927.689</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã thế chấp tàu Sài Gòn Gas với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 133.096.847.966 đồng và 85.958.380.981 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 133.096.847.966 đồng và 91.504.082.977 đồng) làm đảm bảo cho khoản vay đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, hiện nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.185.858.638 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 1.145.358.638 đồng).

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Giấy chứng nhận VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014 và ngày 30/6/2014	136.080.000	126.340.550	262.420.550
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014 và ngày 30/6/2014	(136.080.000)	(126.340.550)	(262.420.550)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2013 và ngày 30/6/2014	-	-	-

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí sửa chữa lớn tàu Sài Gòn Gas tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Vận tải và kinh doanh khí hóa lỏng, xăng dầu

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng	-	7.970.570
Chi phí vật tư xuất dùng và sửa chữa tàu	32.842.240.540	36.323.726.516
	32.842.240.540	36.331.697.086

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	711.448.252	2.648.623.981
Thuế thu nhập cá nhân	423.501.528	185.881.945
Thuế giá trị gia tăng	-	279.242.609
	<u><u>1.134.949.780</u></u>	<u><u>3.113.748.535</u></u>

**13. VAY DÀI HẠN**

Vay dài hạn thể hiện khoản vay dài hạn đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 5.384.512 Đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 5,5% trong sáu tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và bằng tổng bình quân lãi suất tiết kiệm bằng Đô la Mỹ của cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng tham khảo được quy định trong hợp đồng cộng 3%. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty (Tàu Sài Gòn Gas) (xem Thuyết minh số 8).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	14.910.000.000	14.759.500.000
Trong năm thứ hai	14.910.000.000	14.759.500.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	14.910.000.000	22.139.250.000
Sau năm năm	-	-
	<u><u>44.730.000.000</u></u>	<u><u>51.658.250.000</u></u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>14.910.000.000</u>	<u>14.759.500.000</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><u>29.820.000.000</u></u>	<u><u>36.898.750.000</u></u>

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	30/6/2014		31/12/2013	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>
<b>Cổ phần</b>		<u>30/6/2014</u>		<u>31/12/2013</u>
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng				
+ Cổ phần phổ thông		30.000.000		30.000.000
- Số lượng cổ phần đang lưu hành				
+ Cổ phần phổ thông		<u>30.000.000</u>		<u>30.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	300.000.000.000	1.709.511.521	5.173.922.567	4.296.472.806	41.437.056.220	352.616.963.114
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	44.909.002.431	44.909.002.431
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.071.852.811	(2.621.102.811)	(549.250.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.071.852.811)	(2.071.852.811)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>1.709.511.521</b>	<b>5.173.922.567</b>	<b>6.368.325.617</b>	<b>51.653.103.029</b>	<b>364.904.862.734</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	19.759.217.349	19.759.217.349
Trích quỹ dự phòng tài chính (1)	-	-	-	2.245.450.122	(2.245.450.122)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	(2.245.450.122)	(2.245.450.122)
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành (1)	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách (1)	-	-	-	-	(138.000.000)	(138.000.000)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
<b>Tại ngày 30/6/2014</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>1.709.511.521</b>	<b>5.173.922.567</b>	<b>8.613.775.739</b>	<b>30.383.420.134</b>	<b>345.880.629.961</b>

(1) Đây là số trích lập các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Quản lý điều hành và Ban kiểm soát không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2013 với số tiền là 36.000.000.000 đồng.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	203.209.000.000	67,7	203.209.000.000	67,7
Cổ đông khác	96.791.000.000	32,3	96.791.000.000	32,3
	<b>300.000.000.000</b>		<b>300.000.000.000</b>	

**15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế là cung cấp dịch vụ vận tải khí hóa lỏng, chủ yếu được thực hiện từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến các tỉnh lân cận. Bên cạnh đó, doanh thu bán hàng phát sinh là do Công ty bán dầu cho đối tác từ việc cho thuê tàu định hạn. Đây là doanh thu không thường xuyên, chỉ chiếm 1% trong tổng doanh thu của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2013 là 3%. Công ty cũng chưa tổ chức cơ cấu theo các bộ phận. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.203.225.618	6.722.821.190
Doanh thu cung cấp dịch vụ	215.656.817.855	209.121.181.519
	<b>217.860.043.473</b>	<b>215.844.002.709</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.203.225.618	6.722.821.190
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	194.567.379.446	179.736.827.329
	<b>196.770.605.064</b>	<b>186.459.648.519</b>

**18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu	27.841.633.276	33.741.123.439
Chi phí nhân công	17.525.257.618	18.608.780.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.349.156.100	14.208.227.622
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.615.570.636	108.831.315.817
Chi phí khác	17.032.492.102	13.431.447.805
	<b>204.364.109.732</b>	<b>188.820.895.333</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.629.528.130	7.245.914.512
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.002.805.537	6.860.868.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.019.686	275.644.445
	<b>13.645.353.353</b>	<b>14.382.426.957</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	1.218.447.637	1.577.723.579
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	493.980.179	938.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	150.505.287	49.000.000
	<b>1.862.933.103</b>	<b>2.564.723.579</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	23.075.128.373	32.117.989.564
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (8.002.805.537)	(8.002.805.537)	(6.860.868.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	159.867.177
Thu nhập chịu thuế	15.072.322.836	25.416.988.741
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>3.315.911.024</b>	<b>6.354.247.185</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013 là 25%).

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ	<u>2.063.014.861</u>	<u>2.308.604.780</u>
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	3.991.263.237	3.497.783.785
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>4.716.307.775</u>	<u>5.920.802.440</u>
	<u><b>8.707.571.012</b></u>	<u><b>9.418.586.225</b></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho các hợp đồng sau: thuê xe từ ngày 26 tháng 4 năm 2014 đến ngày 25 tháng 4 năm 2015, thuê kho từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, và thuê văn phòng từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016.

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	44.730.000.000	51.658.250.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	130.969.466.519	40.932.710.861
Nợ thuần	(86.239.466.519)	10.725.539.139
Vốn chủ sở hữu	<u>345.880.629.961</u>	<u>364.904.862.734</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u><b>-</b></u>	<u><b>0,03</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.969.466.519	40.932.710.861
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.975.332.843	29.224.973.852
Các khoản đầu tư tài chính	40.000.000.000	155.000.000.000
Các khoản ký quỹ	881.000.000	881.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>184.825.799.362</b>	<b>226.038.684.713</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	44.730.000.000	51.658.250.000
Phải trả người bán và phải trả khác	11.164.747.253	28.687.659.806
Chi phí phải trả	346.188.799	1.601.471.546
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.240.936.052</b>	<b>81.947.381.352</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	13.444.773	16.600.139.112	45.376.529.994	51.728.673.900
Yên Nhật (JPY)	-	-	2.968.262.477	3.464.580.709

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ.

Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 1.360.892.557 đồng (năm 2013: 1.053.856.044 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Yên Nhật Bản thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ của Công ty.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của khoản vay của Công ty (xem Thuyết minh số 13) đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi của khoản vay này tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm/tăng 447.300.000 đồng (năm 2013: 516.582.500 đồng).

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

<u>30/6/2014</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.969.466.519	-	130.969.466.519
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.975.332.843	-	12.975.332.843
Các khoản đầu tư tài chính	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Các khoản ký quỹ	11.000.000	870.000.000	881.000.000
	<b>183.955.799.362</b>	<b>870.000.000</b>	<b>184.825.799.362</b>
Các khoản vay	14.910.000.000	29.820.000.000	44.730.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	11.164.747.253	-	11.164.747.253
Chi phí phải trả	346.188.799	-	346.188.799
	<b>26.420.936.052</b>	<b>29.820.000.000</b>	<b>56.240.936.052</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>157.534.863.310</b>	<b>(28.950.000.000)</b>	<b>128.584.863.310</b>
<u>31/12/2013</u>	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.932.710.861	-	40.932.710.861
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.224.973.852	-	29.224.973.852
Các khoản đầu tư tài chính	155.000.000.000	-	155.000.000.000
Các khoản ký quỹ	11.000.000	870.000.000	881.000.000
	<b>225.168.684.713</b>	<b>870.000.000</b>	<b>226.038.684.713</b>
Các khoản vay	14.759.500.000	36.898.750.000	51.658.250.000
Phải trả người bán và phải trả khác	28.687.659.806	-	28.687.659.806
Chi phí phải trả	1.601.471.546	-	1.601.471.546
	<b>45.048.631.352</b>	<b>36.898.750.000</b>	<b>81.947.381.352</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>180.120.053.361</b>	<b>(36.028.750.000)</b>	<b>144.091.303.361</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu - Chi nhánh Tổng	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	(Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Cùng chủ sở hữu
	(Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Cùng chủ sở hữu
	(Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng chủ sở hữu
	(Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng chủ sở hữu
	(Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**Bên liên quan**

Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí – Chi nhánh Tổng  
 Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần  
 Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu – Chi nhánh Tổng  
 Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần  
 Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam

Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu

Công ty Cổ phần Đóng mới & Sửa chữa Tàu Dầu khí  
 Nhơn Trạch

Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam

Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn  
 Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt  
 Nam - Công ty Cổ phần

Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn

**Mối quan hệ**

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt  
 Nam

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt  
 Nam

Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công  
 ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công  
 ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Công ty TNHH MTV Công  
 nghiệp Tàu thủy Dung Quất (Công ty con  
 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Công nghệ  
 Năng lượng Dầu khí Việt Nam (Công ty  
 con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Công nghệ  
 Năng lượng Dầu khí Việt Nam (Công ty  
 con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt  
 Nam

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt  
 Nam

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
<b>Cho thuê tàu</b>		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí – Chi nhánh Tổng		
Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	43.007.023.913	45.811.854.333
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	143.790.161.484	156.399.251.965
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	19.010.880.000	-
<b>Bán nhiên liệu khi on-hire</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	2.188.952.818	-
<b>Thuê tàu</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	87.059.098.352	-
<b>Mua dịch vụ đại lý tàu và mua nhiên liệu</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	15.107.011.902	21.240.126.369
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	421.865.146	600.608.661
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	814.226.269	1.013.206.344
<b>Thuê xe và mua nhiên liệu</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	36.554.175	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	876.225.034	236.183.428

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
<b>Mua dịch vụ giám định và vật tư an toàn</b>		
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	19.500.000	-
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	<u>281.044.000</u>	<u>121.588.000</u>
<b>Mua khí hóa lỏng và nhiên liệu</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	10.551.755.504	6.653.181.259
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí – Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	-	4.695.720.474
Công ty Chế biến khí Vũng Tàu – Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	-	<u>18.700.000</u>
<b>Chi phí sửa chữa tàu</b>		
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	1.622.053.877	4.230.753.283
Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>328.750.000</u>	-
<b>Mua dịch vụ cung ứng thuyền viên</b>		
Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>590.496.264</u>	-
<b>Mua sơn bảo dưỡng</b>		
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	<u>963.016.350</u>	<u>898.982.726</u>
<b>Nhận cổ tức</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	<u>8.002.805.537</u>	<u>6.860.868.000</u>
<b>Cổ tức đã công bố và chi trả</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>24.385.080.000</u>	<u>20.320.900.000</u>

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lương	878.514.576	634.680.000
Tiền thưởng	364.000.000	896.308.534
	<u>1.242.514.576</u>	<u>1.530.988.534</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	-	24.174.497.615
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	1.912.949.215
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí - Chi nhánh		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	<u>10.931.790.853</u>	<u>-</u>
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	<u>-</u>	<u>1.467.222.121</u>
<b>Các khoản phải trả người bán</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	98.612.102	238.202.978
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	236.316.623	260.314.448
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	-	192.725.560
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	3.260.518.051	14.530.459.825
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	773.388.595	508.764.245
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	36.365.000	58.804.900
Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu – Chi nhánh Tổng		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	306.625.000	147.383.058
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	8.507.318	12.031.800
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí		
Nhon Trạch	<u>304.512.758</u>	<u>-</u>

Đoàn Thị Thanh Xuân  
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Minh  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2014